

BẢN TIN

THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số 07. 2021



ỨNG DỤNG CHẾ PHẨM VI SINH TRONG SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ TỪ VỎ CÀ PHÊ

TRONG SỐ NÀY

TIN TỨC - SỰ KIỆN

01

Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021

02

Kết luận về việc thanh tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ năm 2021

03

Họp Hội đồng giám khảo Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Trị lần thứ IX (2020-2021)

04

Hội đồng khoa học và công nghệ tiến hành công tác kiểm tra tiến độ và thẩm định thuyết minh các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

NGHIÊN CỨU - ỨNG DỤNG

05

Cấp chế phẩm vi sinh cho người dân tham gia Đề án “Ứng dụng chế phẩm vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”

06

Ứng dụng chế phẩm vi sinh trong sản xuất phân hữu cơ từ vỏ cà phê - hướng đi mới trong phát triển nông nghiệp bền vững

07

Huyện Đakrông chú trọng phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

08

Mô hình xử lý và tái sử dụng nước thải nuôi tôm sú: Giải pháp duy trì hầu như không đồng

KHỞI NGHIỆP – ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

09

Sáu sai lầm thường gặp của startup

10

Sharebuy - Mô hình mua chung theo nhóm kiểu mới của người Việt

VĂN BẢN MỚI

11

Thông tư số 05/2021/TT-BKHHCN: Quy định yêu cầu kỹ thuật đối với dữ liệu thông tin đầu vào của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

12

Quyết định số 1678/QĐ-BKHHCN: Xây dựng và hoàn thiện bổ sung các văn bản pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến trí tuệ nhân tạo

13

Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN: Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030



Đơn vị thực hiện:

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU,
ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN KH&CN**

Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ,
Phường Đông Lương, Tp. Đông Hà,
tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0233. 3857030

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021



Đồng chí Huỳnh Thành Đạt, UVTW Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá cao những thành tựu KH&CN của tỉnh tại phiên làm việc với lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện Chương trình công tác trọng tâm năm 2021 của UBND tỉnh và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Kết luận của Tỉnh ủy và Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển KT-XH năm 2021, 6 tháng đầu năm 2021, Sở Khoa học và Công nghệ đã tập

trung triển khai thực hiện kịp thời, quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về KH&CN nhằm phát triển mạnh KH&CN, chú trọng đổi mới sáng tạo nhằm từng bước tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.



Lãnh đạo Sở KH&CN và Tỉnh đoàn ký kết nội dung phối hợp hoạt động năm 2021

Công tác quản lý nhà nước về KH&CN trên các lĩnh vực được triển khai toàn diện. Công tác xây dựng, triển khai các chính sách để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được tập trung thực hiện hiệu quả. Công tác chuyển giao và ứng dụng KH&CN vào quản lý, sản xuất, kinh doanh được đẩy mạnh, góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nâng cao đời sống, phát triển sản xuất, phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương. 6 tháng đầu năm 2021, Sở đã tổ chức Hội đồng khoa học nghiệm thu 02 dự án, kiểm tra tiến độ 02 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi. Ngoài ra, 6 tháng đầu năm 2021, Sở đã trình UBND tỉnh đề xuất đặt hàng thực

hiện 03 nhiệm vụ KH&CN thuộc Đề án Công nghệ sinh học nông nghiệp; trình UBND tỉnh trình Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất 01 dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 bắt đầu thực hiện từ năm 2023; tổ chức Hội đồng KH&CN thẩm định thuyết minh 05 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh đã phê duyệt danh mục. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thực hiện năm 2021 gồm 06 nhiệm vụ. Công tác quản lý nhà nước về công nghệ và thị trường công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đạt

nhiều kết quả quan trọng, Sở đã tham gia ý kiến thẩm định công nghệ 28 dự án đầu tư. Hướng dẫn thủ tục cho 02 doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp KH&CN. Công tác xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, sản phẩm truyền thống của tỉnh được quan tâm thực hiện. Công tác quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm của tỉnh sau khi được bảo hộ được chú trọng. Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng được nâng cao chất lượng, ngày càng tạo được niềm tin của khách hàng đối với chất lượng sản phẩm hàng hóa; trung chỉ đạo triển khai Đề án Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế và Đề án Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh; đã tiếp nhận đăng ký 20 bộ hồ sơ của 04 đơn vị nhập khẩu về kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu gồm số lượng khai báo 50.518 sản phẩm hàng hóa. Tổ chức kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng và nhãn hàng hóa trước Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 tại 110 cơ sở/doanh nghiệp và 11 chợ/09 huyện thị xã, thành phố với tổng số 34 mẫu vàng trang sức, mỹ nghệ; 100 lô sản phẩm hàng hóa và 580 phương tiện đo. Phối hợp với Phòng Kinh tế - Hạ tầng

huyện Hải Lăng kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh, chất lượng hàng hóa trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 tại 58 cơ sở, hộ kinh doanh. Công tác hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp nâng cao chất lượng, tạo thuận lợi để thương mại hóa sản phẩm. Các hoạt động kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực KH&CN được thực hiện nghiêm túc, chú trọng cắt giảm, lồng ghép nhiều nội dung trong cùng đợt, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh...

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh về việc tiếp tục thực hiện linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống đại dịch COVID-19, vừa phát triển KH&CN, góp phần phục hồi và phát triển KT-XH trong trạng thái bình thường mới, Sở thực hiện nghiêm các nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh về tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, bên cạnh đó, thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình, những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Duy trì triển khai có hiệu quả một số Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về KH&CN như: Hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN

trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025; Triển khai các hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng, giúp các doanh nghiệp sử dụng hiệu quả các nguồn lực để sản xuất ra các sản phẩm đạt chất lượng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng lực sản xuất; hỗ trợ thành lập doanh nghiệp KH&CN; hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn ưu đãi tại Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh...

06 tháng cuối năm 2021, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình công tác trọng tâm năm 2021 của UBND tỉnh và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Kết luận của Tỉnh ủy và Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển KT-XH năm 2021 gắn với nhiệm vụ phát triển ngành, tập trung thực hiện thắng lợi “Đề án Tái cơ cấu ngành KH&CN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần phát triển kinh tế”. Đẩy mạnh các hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực KH&CN phục vụ có hiệu quả kinh tế - xã hội tỉnh. Các nhiệm vụ, giải pháp tập trung chỉ đạo, điều hành như sau:

1. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 5807/KHUBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/8/2020 của BTV Tỉnh ủy “về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.

2. Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp Quảng Trị nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định của UBND tỉnh ban hành đề án phát triển sở hữu trí tuệ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

3. Triển khai có hiệu quả công tác chuyển giao và ứng dụng KH&CN vào quản lý, sản xuất, kinh doanh, phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

4. Triển khai Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/08/2019 của UBND tỉnh về Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025. Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội Liên hiệp Phụ

nữ Việt Nam tỉnh, Tỉnh đoàn Quảng Trị tổ chức Lễ phát động Chương trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị năm 2021 và Diễn đàn “Định hướng, thúc đẩy đam mê khởi nghiệp”. Tổ chức có hiệu quả Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị năm 2021.

5. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế năm 2021” và Kế hoạch triển khai Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh năm 2021” trên địa bàn tỉnh. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm hàng hóa (Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn tiên tiến trong sản xuất, dịch vụ; xây dựng, công bố tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm; tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia, quốc tế...).

6. Tổ chức các Hội thảo khoa học: “Tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 06/CT-TU ngày 01/8/2006 của BTV Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH”; “Vai trò của hoạt động Đo lường trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”; “Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong truy xuất nguồn gốc

sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”.

7. Theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình, những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Tổ chức có hiệu quả các cuộc khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Điều tra, đánh giá hiệu quả nhãn hiệu (chứng nhận, tập thể và chỉ dẫn địa lý) sản phẩm hàng hóa đã được cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh. Khảo sát tình hình sử dụng phương tiện đo, thiết bị đo lường tại các tổ chức kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm phương tiện đo và các doanh nghiệp trọng điểm trên địa bàn tỉnh để đánh giá năng lực đo lường. Khảo sát hoạt động công bố tiêu chuẩn chất lượng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, mã số mã vạch tại các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Khảo sát về tiêu chuẩn đo lường chất lượng đối với sản phẩm hàng hóa dầu nhờn...

8. Triển khai có hiệu quả một số Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về KH&CN như: Hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh; Triển khai các hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng thuộc chương trình quốc

gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng lực sản xuất; hỗ trợ cho vay ưu đãi tại Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh.

9. Hỗ trợ các đơn vị, địa phương thực hiện chuyển đổi

hệ thống quản lý chất lượng từ TCVN ISO 9001:2008 sang TCVN ISO 9001:2015. Tổ chức kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh./.

Hồ Mỹ Anh

KẾT LUẬN VỀ VIỆC THANH TRA VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ NĂM 2021

Thực hiện Quyết định số 63/QĐ-SKH&CN ngày 02/4/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị thanh tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh, Đoàn thanh tra chuyên ngành KH&CN thanh tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ (Đoàn) đã tiến hành thanh tra 19/24 đơn vị sản xuất, kinh doanh vàng, trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh trong thời gian từ ngày 26/4/2021 đến ngày 26/5/2021.

Theo đó, Đoàn đã thực hiện thanh tra: Kiểm tra giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng trong sản xuất và mua, bán vàng; giấy chứng nhận kiểm định phương tiện đo, sổ theo dõi kiểm tra cân định kỳ hàng tuần; Kiểm tra về nhãn hàng hóa theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa và Thông tư số 22/2013/TT-BKH&CN ngày 16/9/2013 của Bộ KH&CN quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường. Kiểm tra



Hoạt động thanh tra tại các cơ sở kinh doanh

về khối lượng vàng. Kiểm tra về chất lượng vàng.

Qua kiểm tra, đối với nội dung kiểm tra thực các thủ tục ở các cơ sở, 19/24 Cơ sở được kiểm tra đều có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 18/19 doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và 01/19 cơ sở đăng ký Hộ kinh doanh chỉ thực hiện việc kinh doanh vàng. 18/19 Cơ sở thực hiện việc Kiểm định định kỳ cân theo quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN; có 01/19 Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện đo hết thời gian kiểm định là 05 tháng. Đa số các doanh nghiệp mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ đều có đầy đủ hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của nơi sản xuất.

Đối với nội dung kiểm tra về nhãn hàng hóa, qua kiểm tra ngẫu nhiên kết hợp kiểm tra hiện trạng, Đoàn đã tiến hành lấy 97 mẫu sản phẩm vàng để kiểm tra nhãn khắc đúc và nhãn đính kèm hàng hóa vàng trang sức, mỹ nghệ đều có ghi đầy đủ nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa vàng trang sức, mỹ nghệ.

Đối với nội dung kiểm tra khối lượng vàng, Đoàn đã lấy ngẫu nhiên 97 mẫu vàng trang sức gồm nhẫn tròn, dây chuyền, lắc tay, nhẫn kiềng, mặt tượng của 19 cơ sở để kiểm tra xác minh khối lượng vàng theo thông tư số 22/2013/TT-BKHCN phát hiện có 02 mẫu của 01 doanh nghiệp có sai số vượt mức quy định về khối lượng cho phép.

Đối với nội dung kiểm tra hàm lượng vàng, Đoàn đã tiến hành lấy 57 mẫu ngẫu nhiên trong số 97 mẫu đã xác định khối lượng theo đúng tuần tự và thủ tục của quy trình lấy mẫu thử để tiến hành giám định chất lượng vàng trang sức của 19 cơ sở (mỗi cơ sở gồm 03 mẫu) tại Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng tỉnh Quảng Trị. Kết quả giám định cho thấy trong số 57 mẫu thử có 01 mẫu sai số không phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 5 Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN.

Đoàn đã chú trọng khâu tuyên truyền phổ biến các văn bản quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ cho các Cơ sở nắm và triển khai thực hiện tốt việc chấp hành các quy định sản xuất và kinh doanh trong thời gian đến. Đã lập 04 biên bản vi phạm hành chính và phạt tiền 27 triệu đồng đối với các Cơ sở có hành vi vi phạm về đo lường, chất lượng trong sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ./.

Nguyễn Thị Hòa

HỌP HỘI ĐỒNG GIÁM KHẢO HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT TỈNH QUẢNG TRỊ LẦN THỨ IX (2020-2021)

Thực hiện Kế hoạch triển khai Hội thi số 90/KH-BTCHT của Ban Tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Trị, sáng ngày 09/7/2021, Hội đồng Giám khảo Hội thi đã tổ chức họp triển khai hoạt động chấm thi và xét thường Hội thi. Ông Trần Ngọc Lân - Chủ tịch Liên hiệp Hội, Chủ tịch Hội đồng Giám khảo chủ trì Hội nghị.

Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị lần thứ IX (2020-2021) được tổ chức nhằm thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo toàn dân trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, y tế, giáo dục, thúc đẩy áp dụng có hiệu quả các giải pháp kỹ

thuật tiên tiến vào sản xuất và đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuyển chọn các giải pháp đạt giải cao tham gia Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật toàn quốc lần thứ XVI (2020 - 2021).

Theo đó, các đối tượng dự thi là các tập thể, cá nhân là công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt thành phần, dân tộc, nghề nghiệp; có các công trình, đề tài, giải pháp khoa học kỹ thuật là kết quả của hoạt động sáng tạo, sáng kiến, cải tiến và ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động kinh tế - xã hội được tạo ra và áp dụng tại tỉnh Quảng Trị từ



*Ông Trần Ngọc Lâm - Chủ tịch Liên hiệp Hội,
Chủ tịch Hội đồng Giám khảo phát biểu tại hội nghị*

năm 2015 trở lại đây đều có quyền tham dự Hội thi. Các tổ chức của Việt Nam đã đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị để tạo ra giải pháp kỹ thuật đều có quyền đứng tên tham dự Hội thi.

Hội thi được phát động từ tháng 9 năm 2020. Theo báo cáo của Ban Thư ký Hội thi, sau khi kết thúc nhận hồ sơ vào ngày 30/6/2021, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh là đơn vị thường trực tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Trị lần thứ IX đã nhận được 69 giải pháp dự thi từ các sở ban ngành, doanh nghiệp và các huyện, thị xã, thành phố (giảm 14 giải pháp so với Hội thi lần thứ VIII).

Sau khi chấm sơ khảo, có 69 giải pháp đã được bàn giao cho

Ban Giám khảo của 5 lĩnh vực, bao gồm: Công nghệ thông tin; Điện tử; Viễn thông: 18 giải pháp; Vật liệu, Hóa chất, Năng lượng, Cơ khí, tự động hóa, xây dựng và giao thông vận tải: 15 giải pháp; Nông, lâm, ngư nghiệp, Tài nguyên và Môi trường, xây dựng nông thôn mới: 17 giải pháp; Y dược: 11 giải pháp; Giáo dục và Đào tạo và các lĩnh vực khác: 08 đề tài, giải pháp.

Dự kiến, sau khi Hội đồng giám khảo triển khai chấm điểm các đề tài, giải pháp theo quy định, Thường trực Ban Tổ chức Hội thi sẽ thành lập Đoàn kiểm tra thực tế các giải pháp đạt giải cao trước khi ban hành Quyết định công nhận giải, tổ chức Lễ trao giải./.

Hải Yến

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN HÀNH CÔNG TÁC KIỂM TRA TIẾN ĐỘ VÀ THẨM ĐỊNH THUYẾT MINH CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Vừa qua, Hội đồng KH&CN đã tiến hành kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài KH&CN cấp tỉnh: Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu số về di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972, góp phần hỗ trợ phát triển du lịch Quảng Trị; “Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”; “Nghiên cứu nhân giống và trồng thử nghiệm cây lan Kim Tuyến (*Anoectochilus setaceus*) tại vùng Bắc Hướng Hóa” và Đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng cây gia vị cao cấp *Vanilla* đạt tiêu chuẩn VietGAP trong nhà lưới ứng dụng công nghệ cao tại thôn Quyết Tâm, xã Tân Hợp, huyện Hướng Hoá”. Thẩm định thuyết minh đề tài KH&CN cấp tỉnh: *Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông tỉnh Quảng*

Trị đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề tài KH&CN cơ sở “Khảo sát, phân tích đánh giá thực trạng về hoạt động đo lường, chất lượng và ngành trang sức mỹ nghệ nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”.

Đến tại thời điểm kiểm tra, đề tài *Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu số về di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972, góp phần hỗ trợ phát triển du lịch Quảng Trị* đã triển khai thu thập thông tin 43 địa điểm di tích và 04 lễ hội để bổ sung các thông tin từ các cấp quản lý (xã, phường, huyện); chụp ảnh lấy tọa độ GPS; Thiết kế Bộ phiếu Danh mục các điểm di tích của thị xã, huyện, Cụm Di tích Thành Cổ Quảng Trị, Nhà lưu niệm cố Tổng



Ông Trần Ngọc Lân, TUV, Giám đốc Sở KH&CN, Chủ tịch Hội đồng phát biểu tại phiên họp.

Bí thư Lê Duẩn; Nghĩa Trùng Đàn; Lễ hội; Ảnh và video tư liệu các điểm di tích. Tổng hợp thông tin, số liệu thông kê, video, hình ảnh hoạt động liên quan đến các di tích trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, xử lý thông tin. Xây dựng Bộ cơ sở dữ liệu không gian và phi không gian về Cụm Di tích Thành Cổ Quảng Trị và vùng lân cận. Viết 01 bài báo trên Đặc san KH&CN Quảng Trị số 2/2021.

Đề tài “*Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*” đã đạt được một số kết quả như: Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tại hộ ông Nguyễn Văn Toàn,

thôn Nam Sơn, xã Trung Giang, huyện Gio Linh, đã triển khai 03 vụ; vụ mới nhất thả giống ngày 06/5/2021. Đã xây dựng lắp đặt hệ thống bể nuôi, bể ương, ao lắng; hệ thống sang tôm bằng ống nhựa; hệ thống mương cấp và xả nước, hệ thống đo môi trường nước tự động, giám sát ao nuôi bằng camera;... phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Vụ nuôi thứ nhất thả 300.000 con tôm thẻ chân trắng- mô hình nuôi tôm hai giai đoạn. Ao ương, ao nuôi được thiết kế đạt kỹ thuật, có mái che, được lót bạt. Kết quả nuôi vụ 1 tỷ lệ sống 95% kích cỡ tôm thu hoạch 70 con/ kg; sản lượng 4.070 kg. Vụ 2: 93% kích cỡ 63 con/kg sản lượng 4.150kg. Tuy nhiên, do khó khăn từ dịch covid nên đầu ra



Mô hình nghiên cứu nhân giống và trồng thử nghiệm cây lan Kim Tuyến (Anoectochilus setaceus) tại vùng Bắc Hương Hóa

thị trường và giá cả thấp phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế mà đề tài mang lại.

Đề tài “Nghiên cứu nhân giống và trồng thử nghiệm cây lan Kim Tuyến (*Anoectochilus setaceus*) tại vùng Bắc Hương Hóa” sau gần 10 tháng thực hiện, đơn vị đã triển khai các hoạt động của đề tài theo đúng tiến độ, đầy đủ, đảm bảo khối lượng và chất lượng, các chỉ tiêu kỹ thuật đảm bảo yêu cầu. Đã nghiên cứu được các quy trình: Nghiên cứu kỹ thuật nhân giống lan Kim tuyến bằng phương pháp nuôi cấy mô: Quy trình vào mẫu; Quy trình tạo cụm chồi và nhân nhanh chồi; Quy trình tăng trưởng

chồi; Quy trình tạo cây hoàn chỉnh. Nghiên cứu ảnh hưởng của giá thể đến sự sinh trưởng và phát triển của cây lan Kim tuyến. Nghiên cứu quy trình tưới phun sương và giữ ẩm cho giá thể trồng lan Kim tuyến, ... Đề tài đã vào được 100 mẫu lan Kim tuyến có nguồn gốc từ Hương Hóa, tỷ lệ sống đạt 75%, tỷ lệ bật chồi hữu hiệu 70%. Tính đến tháng 6/2021 phòng thí nghiệm đã sản xuất được 400 bình chồi ở giai đoạn nhân nhanh. Xây dựng được 01 mô hình trồng, chăm sóc cây lan Kim tuyến với quy mô 300m².

Đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng cây gia vị cao cấp Vanilla đạt tiêu chuẩn VietGAP



Đơn vị chủ trì báo cáo trước Hội đồng

trong nhà lưới ứng dụng công nghệ cao tại thôn Quyết Tâm, xã Tân Hợp, huyện Hướng Hoá”. Đơn vị thực hiện đã tiến hành đi học tập mô hình nhân giống và trồng cây Vanilla trong nhà lưới theo hướng VietGAP. Nhân giống cây Vanilla bằng phương pháp giâm hom, sản xuất được cây giống đảm bảo khỏe, sạch bệnh. Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm Vanilla trong nhà lưới công nghệ cao tại thôn Quyết Tâm, xã Tân Hợp, huyện Hướng Hoá với diện tích 1056m². Lựa chọn giống lá to của Madagascar, trụ để trồng cây - cần làm trụ giá thể để cây có thể leo bám và lấy chất dinh dưỡng, cây được trồng 100% trên giá thể xơ và mùn cưa đã xử lý. Trụ bố trí

theo mật độ khoa học, hợp lý. Tiến hành theo dõi, đo đếm các chỉ tiêu về sinh trưởng phát triển của cây Vanilla nhằm đánh giá khả năng thích nghi, chống chịu sâu bệnh hại. Thu thập số liệu về sinh trưởng phát triển, tình hình sâu bệnh hại, các yếu tố năng suất; ...

Đề tài “Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông tỉnh Quảng Trị đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” hướng đến mục tiêu đánh giá thực trạng về đội ngũ giáo viên các bậc học, cấp học của các đơn vị sự nghiệp giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Dự báo xu



*Ông Trần Ngọc Lâm, TUV, Giám đốc Sở KH&CN,
Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp*

hướng về số lượng, chất lượng và Xây dựng các giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông cho các bậc học, cấp học trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Sản phẩm chính dự kiến đạt được cầu đề tài là hệ thống các giải pháp xây dựng quy hoạch phát triển giáo viên mầm non, phổ thông; sắp xếp việc sử dụng, đổi mới tuyển dụng, điều chuyển giáo viên đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại giáo viên. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên; tăng cường phân cấp giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục

mầm non, phổ thông trong công, tác xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên. Tăng cường đánh giá giáo viên, thanh tra, kiểm tra chuyên môn ở các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. Giải pháp tham mưu ban hành cơ chế chính sách và huy động các nguồn lực để phát triển đội ngũ. Khảo nghiệm và thử nghiệm các giải pháp.

Đề tài KH&CN cơ sở “*Khảo sát, phân tích đánh giá thực trạng về hoạt động đo lường, chất lượng và trang sức mỹ nghệ nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*” hướng đến mục tiêu: Khảo sát,

đánh giá thực trạng về hoạt động đo lường, chất lượng vàng trang sức mỹ nghệ trong hoạt động kinh doanh vàng đối với vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường tại bàn tỉnh Quảng Trị. Phục vụ công tác quản lý nhà nước, nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Trên cơ sở các số liệu khảo sát, kết quả phép đo khối lượng vàng, kết quả thử nghiệm hàm lượng vàng trong sản phẩm vàng trang sức mỹ nghệ. Tiến hành, phân tích đánh giá thực trạng về hoạt động đo lường, ghi nhãn hàng hoá, trong kinh doanh vàng, chất lượng vàng trang sức mỹ nghệ tại các cơ sở kinh doanh vàng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.. Dự kiến sản phẩm chính của đề tài: Bộ số liệu điều tra, khảo sát về hoạt động kinh doanh vàng của các cơ sở kinh doanh vàng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (bao gồm phiếu điều tra). Các

báo cáo về thực trạng về quản lý, sử dụng cân, quả cân, ghi nhãn đối với vàng trang sức mỹ nghệ và công bố tiêu chuẩn áp dụng tại các cơ sở kinh doanh vàng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Báo cáo đánh giá kết quả phép đo khối lượng vàng và hàm lượng vàng trong sản phẩm vàng trang sức mỹ nghệ tại các cơ sở kinh doanh vàng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị....

Các đề tài kiểm tra tiến độ kết quả thực hiện được Hội đồng KH&CN đánh giá thực hiện đầy đủ các nội dung theo thuyết minh, đồng thời yêu cầu đơn vị thực hiện tiếp tục thực hiện các nội dung tiếp theo trong thuyết minh một cách đầy đủ, khoa học và chất lượng. Đối với các thuyết minh, được Hội đồng đánh giá các đề tài mang tính thực tiễn cao, đồng thời đã góp ý để hoàn thiện thuyết minh đề tài./.

Trần Phụng (tổng hợp)

CẤP CHẾ PHẨM VI SINH CHO NGƯỜI DÂN THAM GIA ĐỀ ÁN “ỨNG DỤNG CHẾ PHẨM VI SINH VẬT TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ”

Để hướng tới một nền sản xuất nông nghiệp hữu cơ, cung cấp những sản phẩm chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên cơ sở ứng dụng những chế phẩm vi sinh nhằm tái sử dụng hiệu quả các loại phế thải nông nghiệp, góp phần bảo vệ môi trường, cải tạo đất, nâng cao năng suất, chất lượng và tăng khả năng cạnh tranh cho các sản phẩm chủ lực, tăng hiệu quả kinh tế cho sản xuất nông nghiệp, góp phần xây dựng Nông thôn mới, vừa qua UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 324/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án “Ứng dụng chế phẩm vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”. Mục tiêu cụ thể mà Đề án đưa ra là phát động phong trào sử dụng chế phẩm vi sinh trong sản xuất nông nghiệp trên toàn tỉnh nhằm cải tạo đất, thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực, xử lý ô nhiễm môi trường, góp phần tạo bước đột phá trong nông nghiệp đáp ứng

yêu cầu phát triển thời kỳ mới. Ứng dụng có hiệu quả các loại chế phẩm vi sinh trong trồng trọt; chăn nuôi lợn, nuôi trồng thủy sản nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân trong nền kinh tế hội nhập và cải thiện chất lượng môi trường.

Theo Đề án, Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị căn cứ vào nhu cầu chế phẩm vi sinh hàng năm của các địa phương để sản xuất, cung ứng chế phẩm đảm bảo chất lượng, số lượng và thời gian cũng như hỗ trợ, tập huấn, hướng dẫn cách sử dụng chế phẩm vi sinh cho các địa phương.

Đến thời điểm hiện tại, Trung tâm đã tiến hành công tác tập huấn và cung cấp gần 06 tấn chế phẩm vi sinh cho người dân tại thành phố Đông Hà và các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Triệu Phong và Hướng Hóa. Hoạt động này nhận được sự hưởng ứng tích cực của người dân. Thời gian tới, Trung



Các chế phẩm vi sinh cấp cho người dân tham gia Đề án

tâm tiếp tục đẩy mạnh hoạt động này để giúp người dân có được chế phẩm vi sinh trong sản xuất, giúp bảo vệ môi trường, giảm chi phí trong quá trình chăn nuôi trồng trọt và tăng năng suất, chất lượng đầu ra.

Được biết, Đề án sẽ hỗ trợ 24 tấn chế phẩm Compo-QTMIC và Tricho-Pse sử dụng dụng xử lý khoảng 4% lượng phế phụ phẩm, sản xuất 24.000 tấn phân hữu cơ; hỗ trợ 30 tấn chế phẩm Nitro-QTMIC để xử lý môi trường ao nuôi (cho 50 ha ao nuôi/vụ); 30 tấn chế phẩm Perfect-QTMIC bổ sung thức ăn nuôi tôm (cho 10 ha ao nuôi/vụ); 7 tấn chế phẩm Pro-QTMIC bổ sung thức ăn chăn nuôi; 6 tấn chế phẩm Bio-QTMIC xử lý môi trường chăn nuôi. Trong 03 năm đầu (2021-2023) ngân sách nhà

nước hỗ trợ 70%, còn lại nguồn đối ứng của người dân; trong 02 năm còn lại (2024-2025) ngân sách nhà nước hỗ trợ 50%, còn lại nguồn đối ứng của người dân. Đến năm 2030, phần đầu toàn tỉnh có 70% lượng phế phụ phẩm nông nghiệp (khoảng 400.000 tấn); từ 50 - 60% các trang trại nuôi tôm thâm canh sử dụng chế phẩm vi sinh để xử lý môi trường ao nuôi và bổ sung trong khẩu phần thức ăn. Có từ 40 - 50% trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm sử dụng chế phẩm vi sinh để phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững, an toàn sinh học. Hình thành được mạng lưới cung ứng chế phẩm vi sinh đến các địa phương. /.

Trần Phụng

ỨNG DỤNG CHẾ PHẨM VI SINH TRONG SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ TỪ VỎ CÀ PHÊ - HƯỚNG ĐI MỚI TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

Từ lâu cây cà phê được xem là cây trồng chủ lực của huyện Hướng Hóa và đã đóng góp không nhỏ cho sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương này. Tuy nhiên, trong quá trình chế biến, các phế phụ phẩm từ cà phê đặc biệt là vỏ cà phê tươi lại trở thành tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Trước tình hình đó, Sở KH&CN đã chỉ đạo Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN nghiên cứu, phân lập, tuyển chọn các chủng vi sinh vật (VSV) và hoàn thiện quy trình, công nghệ sản xuất thành công chế phẩm VSV Compo- QTMIC phân giải vỏ cà phê đạt kết quả rất cao.

Trung tâm tiếp tục xây dựng mô hình sản xuất phân hữu cơ từ vỏ cà phê tại xã Hướng Phùng – Hướng Hóa đạt những kết quả tích cực, không chỉ giải quyết được vấn đề về môi trường mà còn sản xuất một lượng phân hữu cơ rất lớn phục vụ sản xuất góp phần tăng năng suất, chất lượng cho cây trồng, giảm chi phí đầu tư.

Trong quá trình ủ, các xã viên Hợp tác xã Công Bằng Sa Mù, xã

Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa thường xuyên tiến hành kiểm tra độ ẩm và chất lượng của đồng ủ sau đó tiến hành đảo trộn hỗn hợp này để đảm bảo chất lượng phân tốt nhất trước khi đem bón cho cây trồng. Sau 2 tháng ủ với chế phẩm vi sinh, từ những xe vỏ cà phê tươi thải ra đã trở thành nguồn phân hữu cơ có thể sử dụng cho các loại cây trồng (mọi loại đất) với hàm lượng chất dinh dưỡng cao. Có thể nói nếu như trước đây bài toán về rác thải phế phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp luôn là một bài toán khó tuy nhiên, từ năm 2017, được sự hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ về kỹ thuật, chế phẩm vi sinh, máy xay... các thành viên trong HTX Công Bằng Sa Mù, xã Hướng Phùng đã ủ phân hữu cơ từ vỏ cà phê sản xuất trên 200 tấn, đảm bảo đủ cung cấp cho bà con xã viên. Thấy hiệu quả từ mô hình sản xuất phân hữu cơ từ vỏ cà phê này hiện nay, người dân tại xã Hướng Phùng hầu như đều tận dụng các phế phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp để làm phân hữu cơ. Từ chỗ vỏ cà phê sau chế biến đem đổ bỏ gây ô nhiễm môi trường thì đến nay vỏ cà phê được xem như là nguồn nguyên



Mô hình sản xuất phân vi sinh từ vỏ cà phê tại HTX Công Bằng Sa Mù

liệu chính để sản xuất phân hữu cơ. Để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được bà con nông dân đã chủ động nhân rộng mô hình ứng dụng chế phẩm vi sinh trong sản xuất phân hữu cơ.

Việc tận dụng lượng vỏ cà phê sau khi chế biến để ủ thành phân bón hữu cơ đã mang lại hiệu quả kép cho người dân vừa giải quyết được tình trạng ô nhiễm môi trường mà còn giảm thiểu được chi phí đầu tư trong sản xuất. Từ hiệu quả đạt được, thực hiện Quyết định số 324/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Đề án “Ứng dụng chế phẩm VSV trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”. Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị, Sở KH&CN đã tiếp tục tuyên truyền, khuyến cáo, hướng dẫn kỹ thuật và tiến hành cung cấp chế phẩm vi sinh Compo-QTMIC và Tricho-

Pseu cho người dân ở địa phương để xử lý vỏ cà phê và các phế phụ phẩm khác, tạo nguồn phân bón hữu cơ tại chỗ, phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường. Đến nay ước tính hàng năm riêng xã Hướng Phùng sản xuất được khoảng trên 300 tấn phân hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Theo Đề án “Ứng dụng chế phẩm vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”, Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị đã tuyên truyền, khuyến cáo, hướng dẫn kỹ thuật và tiến hành cấp chế phẩm vi sinh cho các địa phương. Riêng tại địa bàn huyện Hướng Hóa, với sự hỗ trợ của đề án, người dân đã rất chủ động trong sản xuất phân hữu cơ từ vỏ cà phê và các phế phụ phẩm khác./.

Trần Phương

HUYỆN ĐAKRÔNG CHÚ TRỌNG PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Những năm qua, hoạt động khoa học và công nghệ ở huyện Đakrông có nhiều chuyển biến tích cực, đặc biệt là ứng dụng có hiệu quả công nghệ sinh học vào sản xuất, đời sống. Qua đó, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, đảm bảo đời sống cho người dân và bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TU, ngày 1/8/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học (CNSH) phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, UBND huyện Đakrông đã làm tốt công tác phổ biến, tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên, Nhân dân trên địa bàn bằng nhiều hình thức như tổ chức hội nghị, tập huấn, cụ thể hóa chỉ thị thông qua xây dựng tin, bài, phóng sự về các mô hình ứng dụng CNSH tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TU, trong đó chú trọng nhiệm vụ, giải pháp phát triển CNSH. Nhờ vậy, đã có sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai

trò, vị trí của khoa học và công nghệ (KH&CN) nói chung, CNSH nói riêng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hoạt động phát triển ứng dụng CNSH vào sản xuất và đời sống, huyện ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và bảo vệ môi trường. Từ nguồn lực thực hiện các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, huyện tập trung ứng dụng những giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu như các giống lúa Thiên Ưu 8, RVT, HT1, HN6; các giống ngô nếp HN88, HN68, HN89, MX10; các giống ngô lai CP333, LVN10, CP888, LVN10, HN45; các giống đậu xanh mới ĐX208, ĐX044; giống lạc L14, L23, L27; giống cỏ VA06 làm thức ăn chăn nuôi; giống chuối tiêu hồng nuôi cấy mô, mít Thái, giống keo tai tượng Úc... Bên cạnh đó, ứng dụng các giống vật nuôi được lai tạo bằng phương pháp tiên tiến có khả năng truyền giống tốt được nghiên cứu khảo nghiệm thành công và chuyển giao tại các địa phương như bò cái vàng sinh sản Việt Nam, đực giống zebu, con giống lợn nái Móng Cái, con giống lợn thịt F1, gà Lương Phượng... Huyện cũng đã ứng dụng công nghệ truyền



Trồng ớt phủ bạt nilon mang lại hiệu quả kinh tế cao ở xã Mò Ó, huyện Đakrông

giống nhân tạo cho đàn gia súc để nâng cao chất lượng và từng bước cải tạo thay thế các giống vật nuôi tại địa phương có tầm vóc nhỏ, tăng trọng chậm, hiệu quả kinh tế không cao. Nhờ chủ động ứng dụng công nghệ lai tạo giống cũng như ứng dụng giống cỏ VA06 làm thức ăn chăn nuôi nên một số địa phương đã triển khai xây dựng mô hình trang trại chăn nuôi bò quy mô 100 con trở lên như ở các xã Hướng Hiệp, Triệu Nguyên, Ba Lòng. Trong ứng dụng CNSH nuôi cấy mô, huyện triển khai thành công mô hình trồng chuối tiêu hồng tại xã Mò Ó và Tà Rụt. Ngoài ra, huyện phối hợp với Sở KH&CN xây dựng mô hình trồng giống keo lai BV33 nuôi cấy mô với diện tích 2 ha với số lượng giống hỗ trợ 7.600 cây.

Trong sản xuất và chăn nuôi, huyện khuyến khích người dân ứng dụng chế phẩm sinh học, phân hữu cơ vi sinh. Nhờ vậy, đến nay trên địa bàn huyện xuất hiện nhiều mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học BIMIX trong chăn nuôi; ứng dụng các chế phẩm sinh học BIMA, Bio giun quế, Bio lân đậm và chế phẩm sinh học BIONEMA trong trồng trọt; tại các xã Hướng Hiệp, Mò Ó, A Ngo và Đakrông có 69 hộ tham gia mô hình sử dụng phân vi sinh vật cố định đạm, vi sinh vật kích thích tăng trưởng cây. Trong chăn nuôi, huyện đã quan tâm xây dựng các mô hình trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi cho trâu, bò. Hỗ trợ 294.500 hom giống cỏ VA06; tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng cỏ, ủ cỏ VA06 lên men làm thức ăn chăn nuôi. Huyện còn phối hợp

xây dựng đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây sâm Bồ Chính tại vùng gò đồi xã Triệu Nguyên, huyện Đakrông” và dự án trồng thử nghiệm cây sâm Bồ Chính có ứng dụng tưới nhỏ giọt tại xã Triệu Nguyên; làm tốt công tác chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về cây trồng, vật nuôi, phương thức canh tác mới, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ thuật của nông dân trong sản xuất, chất lượng, giá trị thu nhập.

Ngoài các chương trình, dự án hỗ trợ, các hộ dân đã tự đầu tư tăng quy mô đàn gia súc, có chuồng trại ổn định, trồng cỏ để bổ sung thêm thức ăn, tập trung phòng trừ dịch bệnh, áp dụng tốt kỹ thuật chăn nuôi, góp phần bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng. Một số mô hình ứng dụng về giống mới nổi bật trong huyện như canh tác nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu vụ đông xuân 2019 - 2020 tại thôn Nạ Năm, xã Triệu Nguyên với diện tích 5,9 ha giống lạc L14; ứng dụng công nghệ bioga composite khí sinh học xây dựng bể trong chăn nuôi (xây dựng 16 bể cho 16 hộ dân ở thị trấn Krông Klang); nuôi bò cái sinh sản; trồng cỏ làm thức ăn nuôi dê tại Ba Lòng và Triệu Nguyên; trồng bì lờ đồ tại xã Húc Nghi, Tà Rụt, A Vao, A Ngo, A Bung; nuôi gà thả vườn tại xã Đakrông với 20 hộ tham gia...

Việc triển khai ứng dụng CNSH ở Đakrông đã hạn chế

dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi, góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, bảo vệ môi trường sinh thái. Phó Chủ tịch UBND huyện Đakrông Lê Đại Lợi cho biết: “Thời gian tới, huyện tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 06- CT/TU và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNSH. Đổi mới, đa dạng hóa công tác truyền thông, chú trọng tuyên truyền các gương điển hình tiên tiến về ứng dụng CNSH vào sản xuất và đời sống. Lồng ghép có hiệu quả các yếu tố ứng dụng CNSH vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng địa phương. Ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển ứng dụng tiến bộ KH-CN nói chung và CNSH nói riêng đủ mạnh gắn với nông nghiệp, nông dân, nông thôn và chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tích cực tranh thủ các nguồn lực, đồng thời tăng mức đầu tư của địa phương để hỗ trợ ứng dụng CNSH trong giai đoạn tiếp theo, chú trọng lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Triển khai ứng dụng rộng rãi và hiệu quả CNSH vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản, y tế, bảo vệ môi trường...”.

Nguồn: Báo Quảng Trị

MÔ HÌNH XỬ LÝ VÀ TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI NUÔI TÔM SÚ: GIẢI PHÁP DUY TRÌ HẦU NHƯ KHÔNG ĐỒNG

Gần gũi với người nuôi tôm, thân thiện với môi trường, dễ dàng vận hành và gần như chỉ mất 0 đồng cho chi phí duy trì, bảo dưỡng, mô hình do nhóm nghiên cứu của TS. Lê Hữu Quỳnh Anh (Đại học Tài nguyên và Môi trường TP.HCM) xây dựng được kỳ vọng sẽ là một giải pháp tiềm năng để giúp các hộ nuôi tôm sú tại Đồng bằng sông Cửu Long xử lý nước thải.

Nước thải nuôi tôm với đặc trưng nồng độ nitơ và phốt pho cao, có khả năng gây hiện tượng phú dưỡng hóa môi trường nước cũng như tạo môi trường thuận lợi cho các vi sinh vật có hại phát triển và gây bệnh cho tôm là vấn đề gây đau đầu cho bất kỳ hộ nuôi tôm nào trên cả nước. Song đối với những người nuôi tôm sú ở Đồng bằng sông Cửu Long, sự đau đầu này dường như còn nhân lên gấp nhiều lần, bởi nước thải ao nuôi tôm sú có độ mặn cao lên đến 25-30‰. Và lẽ dĩ nhiên, các công nghệ xử lý thông thường bằng cả phương pháp hóa học, vật lý, sinh học khó đem lại hiệu quả với chi phí thấp trong một môi trường nhiễm mặn như vậy.

Để đáp ứng yêu cầu nhanh và rẻ, nhiều hộ nuôi tôm đã sử dụng các hóa chất xử lý phổ biến như thuốc tím, Iodine, clorin, dù hiệu quả cao nhưng chắc chắn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nếu các nước thải chứa các chất hóa học này không được xử lý triệt để.

Tham gia vào dự án hợp tác “Giải pháp tổng hợp phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long về đất, nước, năng lượng và khí hậu” giữa Bộ Giáo dục và Nghiên cứu Liên bang Đức (BMBF) và Bộ KH&CN Việt Nam, TS. Lê Hữu Quỳnh Anh và các đồng nghiệp trong nhóm đi tìm một giải pháp - mô hình xử lý khác với “hai không”: không dùng bất kỳ hóa chất nào và không tốn chi phí duy trì sau nhiều năm sử dụng.

Theo đó, mô hình xử lý của nhóm gồm có hồ trữ nước điều hòa, hồ sinh học, hồ đất ngập nước kiến tạo và hồ cấp nước tuần hoàn sau khi xử lý. Với cách thiết kế này, nước thải từ ao nuôi tôm sẽ được bơm qua lưới lọc thô đến hồ điều hòa rồi sau đó được bơm vào hồ sinh học để xử lý bậc một. Tại hồ sinh học, vi sinh vật hiếu khí sẽ chuyển hóa các thành phần ô nhiễm hữu cơ như BOD, COD, còn tảo có sẵn trong



Mô hình hai không

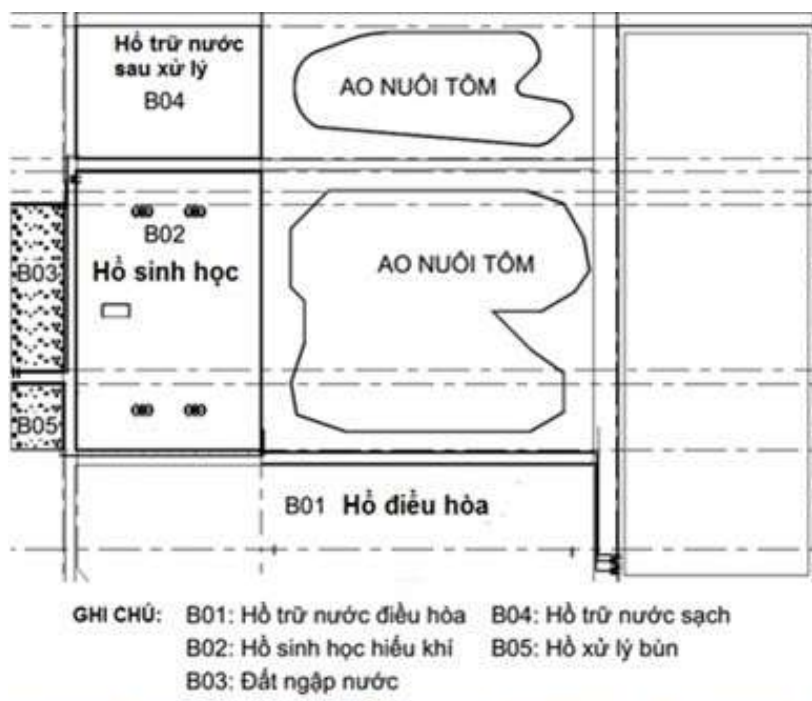
hồ sẽ sử dụng các chất dinh dưỡng trong quá trình quang hợp và sản xuất sinh khối (hồ cũng sẽ kết hợp nuôi cá mật độ thấp để kiểm soát sự phát triển của tảo). Đồng thời, các cây trồng trên bè nổi (chiếm khoảng 20% diện tích) của hồ sinh học cũng hấp thu các chất dinh dưỡng như nitơ, photpho dư thừa thông qua rễ, thân, nhánh, từ đó đem lại hiệu quả xử lý nước thải tổng thể.

Sau khi được xử lý ở hồ sinh học, nước thải sẽ được bơm vào hồ tiếp theo là hồ đất ngập nước kiến tạo để xử lý lần hai. Tại hồ này, nhóm nghiên cứu sử dụng các vật liệu lọc như đá, cát, sỏi và trên bề mặt trồng các loại thực vật có khả năng chịu mặn cao tương tự như ở hồ sinh học để loại bỏ triệt để các chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh vật trong nước thải. Sau khi xử

lý xong, nước thải đạt tiêu chuẩn sẽ được đưa vào hồ trữ nước và cấp trở lại cho ao nuôi tôm. Bên cạnh đó, sau một mùa vụ, bùn thải cũng sẽ được xử lý bằng hồ bãi lọc sinh học được xây dựng tương tự như hồ đất ngập nước kiến tạo.

“Như vậy, đây là một mô hình khép kín, vừa xử lý bên trong và vừa xử lý bên trên”, TS. Quỳnh Anh giải thích, “hoàn toàn không sử dụng hóa chất, dù tái sử dụng hay xả thải thì cũng không gây ô nhiễm môi trường, thêm nữa mô hình chỉ trồng cây và tuần hoàn nước thải nên cũng không mất phí để duy trì”.

Nếu nghe qua về mô hình của nhóm, nhiều người sẽ thấy rằng đây không phải là một mô hình mới. Thực tế, từ trước đến nay đã có những giải pháp sử dụng một



Sơ đồ bố trí các hạng mục công trình trong hệ thống xử lý nước thải ao nuôi tôm sú công suất 200 m³/ngày đêm.

số loại thực vật để xử lý nước thải trong các mô hình dựa vào điều kiện tự nhiên như hồ sinh học, đất ngập nước hay cánh đồng lợ. Tuy nhiên, “các biện pháp này chủ yếu được sử dụng để xử lý nước thải không nhiễm mặn, hoặc cũng chưa đáp ứng được mong muốn về mặt môi trường - kinh tế cũng như khả năng ứng dụng rộng rãi”, nhóm nghiên cứu cho biết.

Vậy đâu là điểm mấu chốt giúp mô hình này đem lại hiệu quả? Câu trả lời là phải sử dụng được đúng các loại thực vật bản địa thích nghi tốt với môi trường nhiễm mặn. Nhớ lại những ngày đầu bắt tay vào thử nghiệm, TS. Quỳnh Anh thú thực, việc tìm cây này chính là một trong những công đoạn khó khăn nhất khi xây dựng mô hình. Thậm chí,

nhóm đã vận chuyển rong câu chỉ vàng – một loại thực vật được biết đến là có khả năng xử lý nước thải - từ miền Trung vào Bạc Liêu để thử nghiệm nuôi và đánh giá hiệu quả xử lý, song kết quả là loại rong này... không sống nổi vì môi trường không phù hợp. “Mỗi địa phương lại có điều kiện khí hậu, môi trường khác nhau, phương thức nuôi tôm khác nhau nên bắt buộc phải sử dụng loại thực vật bản địa”, nhóm kết luận.

Tuy nhiên, không phải loại cây bản địa nào cũng có thể đem trồng trong hồ sinh học. “Có những thực vật bản địa khi trồng trên đất liền rất xanh tươi nhưng chỉ cần đem xuống bè nổi trồng từ ba tuần đến một tháng thôi là nó ‘xiu’ xuống liền”, TS. Quỳnh Anh nhớ lại, “còn có những loại cây có khả năng chịu mặn cao, sinh trưởng

tốt nhưng lại không có hiệu quả xử lý nước thải”. Chị giải thích, trước đây, tại các ao quảng canh, người dân cũng thả tôm nuôi trong ao và trồng ở trong đó những cây mắm, cây đước để xử lý nước, song với những ao mật độ cao như hiện nay, các loại cây có hệ số sinh trưởng rất chậm này chưa thể đáp ứng được nhu cầu xử lý.

Khó có thể dựa trên kinh nghiệm từ người đi trước, nhóm đã tự tiến hành nghiên cứu, khảo sát lại khả năng thích nghi và xử lý nước của nhiều loại thực vật khác nhau, đồng thời nhờ sự tư vấn của người dân địa phương và các giảng viên Đại học Bạc Liêu để chọn lựa được nên “trồng cây gì, nuôi con gì” ở khu vực đó. Sau gần sáu tháng đầu tiên chỉ để đi tìm loại cây phù hợp, nhóm nghiên cứu nhận thấy thủy trúc, năn tượng và cỏ nước mặn là ba loại cây rất phù hợp để trồng trên các bè trong hồ xử lý nước thải đối với ao nuôi tôm nước mặn.

Để kết quả có tính thuyết phục, khi bắt tay vào triển khai, nhóm cũng kết hợp sử dụng một trạm quan trắc di động Mobilab do phía Đức tài trợ để có thể thu mẫu tự động, phân tích trực tuyến và theo dõi nước thải liên tục nhằm có một bộ dữ liệu đầy đủ theo thời gian, khẳng định hiệu quả xử lý nước của mô hình đang nghiên cứu.

Liệu giải pháp có “chết yểu”?

Sau hai năm thử nghiệm mô hình tại một hợp tác xã ở Bạc Liêu - tỉnh đang đẩy mạnh việc trở thành

trung tâm công nghiệp nuôi tôm của cả nước, kết quả mà nhóm nghiên cứu thu được vô cùng khả quan: hệ thống hoạt động ổn định, hiệu suất xử lý của toàn hệ thống đạt ở mức cao, nước thải đầu vào được xử lý hơn 80% các chất hữu cơ gây ô nhiễm như COD, BOD5 và đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc tái sử dụng nước cũng như xả thải. Cụ thể, COD được loại bỏ với hiệu suất trung bình khoảng 86%, với BOD5 là khoảng 84%, TN khoảng 89%, Coliform khoảng 86%,... Các chỉ tiêu của nước thải sau xử lý đáp ứng các điều kiện của QCVN 01-80:2011/ BNNPTNT quy định điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm và QCVN 10-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

Nhưng có lẽ điều mà ai cũng quan tâm nhất đó là, liệu mô hình này có thể “sống sót” sau khi dự án kết thúc hay không và có khả năng nhân rộng cho các hộ nuôi khác tại Đồng bằng sông Cửu Long hay không? Câu trả lời là “hoàn toàn có thể”, TS. Quỳnh Anh khẳng định. Chị giải thích, mô hình xử lý mà nhóm xây dựng có thể tận dụng được ngay hai hồ nước mà người nuôi tôm nào cũng có sẵn là hồ điều hòa và hồ cấp nước tuần hoàn. Thêm vào đó, hai hồ cần xây dựng mới là hồ sinh học và hồ đất ngập nước kiến tạo lại chỉ cần đến một diện tích đất “không quá nhiều như người dân đang dùng cho việc xử lý nước thải”. “Ngay cả trên bờ đê bao quanh ao, người dân cũng đã có

thể xây dựng mô hình đất ngập nước rồi chứ không cần phải lấy hẳn một ao mới”, TS. Quỳnh Anh cho biết.

Một ưu điểm nữa là cách xây dựng mô hình của nhóm cũng không đòi hỏi yêu cầu gì quá phức tạp hay đắt tiền, duy chỉ có hồ đất ngập nước kiến tạo là có chi phí đầu tư ban đầu hơi cao do cần phải lót bạt, và sử dụng vật liệu lọc như đất, đá, cát. “So với việc dùng chế phẩm sinh học hay một hệ thống bằng công nghệ phải bảo dưỡng định kỳ, mô hình xử lý này một khi đã xây dựng rồi thì sẽ có thể sử dụng được trong thời gian dài từ 5-10 năm, lâu lâu chỉ cần thêm đất ở phía trên để trồng cây và thu hoạch, gần như không tốn chi phí duy trì nào”, TS. Quỳnh Anh nhấn mạnh.

Ao nuôi tôm mà nhóm thử nghiệm là ao nuôi tôm thâm canh và có diện tích khoảng 2000m². Đây là một diện tích ao nuôi trung bình tại Bạc Liêu. Song, nhóm nghiên cứu cho biết, mô hình xử lý của họ có thể áp dụng được cho tất cả các hộ nuôi tôm thâm canh, quảng canh và bán thâm canh, đồng thời diện tích các mô hình xử lý cũng có thể được tính toán phù hợp theo địa phương cụ thể. Quan trọng hơn, “mô hình vận hành tương đối đơn giản, người nông dân hoàn toàn có thể và có khả năng tự xây dựng, vận hành, thay đổi diện tích hồ, công suất bơm cho phù hợp”, TS. Quỳnh Anh khẳng định. “Minh chứng” là khi nhóm của chị đến thử nghiệm mô hình tại hợp tác xã 30/4, họ chỉ cần đưa ra các bản vẽ thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, còn

lại những người nuôi tôm tại đây đã hoàn toàn tự xây dựng và vận hành được hệ thống.

Tất nhiên, một mô hình dù tốt ưu đến đâu cũng không thể không có nhược điểm. TS. Quỳnh Anh thẳng thắn cho biết, hồ sinh học và hồ đất ngập nước kiến tạo dùng để loại bỏ các chất ô nhiễm cần nhiều thời gian để xử lý và không có hiệu quả tức thì. Để loại bỏ được 80% các chất ô nhiễm trong lượng nước đầu vào 200m³/ngày đêm, hệ thống này cần thời gian từ 2-6 ngày, chưa nói đến thời gian cần để trồng thích nghi các loại thực vật.

Song, với hiểu biết về tâm lý người nuôi tôm trong quá trình triển khai đề tài, chị tin tưởng “có rất nhiều người dân sẽ thích áp dụng phương pháp này hơn là công nghệ mới, phần vì nhiều người không rành về công nghệ cũng có thể làm quen với nó, phần vì nó cũng gần gũi, không mất chi phí bảo dưỡng, không mất kinh phí mua thêm hóa chất xử lý. Nếu chọn được những cây trồng có hiệu quả kinh tế, đây cũng có thể là một nguồn tăng năng suất kinh tế cho người dân”. TS. Quỳnh Anh nói.

*Nguồn: Mỹ Hạnh
khoa hoc phat trien .vn*

SÁU SAI LÀM THƯỜNG GẶP CỦA STARTUP



ThinkZone còn xây dựng một vườn ươm, cung cấp các chương trình đào tạo bài bản cho startup khởi nghiệp và hiểu hơn về quá trình khởi nghiệp

Trong quá trình đầu tư và hỗ trợ các startup, ông Bùi Thành Đô - Giám đốc điều hành ThinkZone Venture, nhận thấy, startup thường gặp phải những sai lầm cơ bản dẫn đến những thất bại đáng tiếc, trong khi nếu được chia sẻ kinh nghiệm thì họ hoàn toàn có thể hạn chế tối đa tổn thất.

Đây là một trong những lý do giải thích vì sao chỉ có khoảng 2% số startup khởi nghiệp có được thành công.

ThinkZone là quỹ đầu tư nội được thành lập từ năm 2019 và hướng tới đầu tư các startup ở giai đoạn đầu. Không chỉ đầu tư

vốn, ThinkZone còn xây dựng một vườn ươm, cung cấp các chương trình đào tạo bài bản cho startup khởi nghiệp và hiểu hơn về quá trình khởi nghiệp. Với kinh nghiệm điều hành vườn ươm này, ông Bùi Thành Đô cho rằng, startup chưa gọi vốn bao giờ giống như một tờ giấy trắng. “Chúng tôi muốn tạo ra một thể hệ đội ngũ sáng lập của Việt Nam có những hiểu biết cơ bản về khởi nghiệp. Những nền tảng đó sẽ trở thành bộ phóng để các startup khai phá thị trường” – ông Bùi Thành Đô nói.

Chia sẻ với Khoa học và Phát triển, ông Bùi Thành Đô nêu ra sáu sai lầm thường mà startup thường gặp phải trong giai đoạn đầu khởi

nghiệp. Ông Bùi Thành Đô tin rằng, việc tránh được sáu sai lầm này sẽ giúp startup sống sót lâu hơn, có sản phẩm đúng hơn với thị trường và giảm thiểu rủi ro đến mức tối đa.

Một là, đội ngũ sáng lập không có người ra quyết định cuối cùng. Mỗi startup thường được khuyên nên có 2-3 đồng sáng lập phụ trách các mảng khác nhau như kỹ thuật, marketing và vận hành. Tuy nhiên, việc vai trò của các đồng sáng lập như nhau có thể khiến startup khó vận hành và đi đúng với tôn chỉ mục đích ban đầu. Vì thế, trong đội ngũ sáng lập luôn cần xác định rõ người đưa ra quyết định cuối cùng.

Hai là, nhầm lẫn giữa tư duy làm sản phẩm với tư duy làm công nghệ. Hai nhóm tư duy này đưa ra hai sản phẩm khác nhau. Ví dụ một kỹ sư trí tuệ nhân tạo muốn làm ra sản phẩm thỏa mãn mong muốn của mình. Tuy nhiên, đó chưa chắc là thứ mà thị trường cần. Sản phẩm của một startup chỉ được đánh giá là tốt khi market fit (đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường), có trải nghiệm người dùng tốt. Chỉ khi ấy, startup mới bán được hàng. Thay vì trình diễn những công nghệ công kênh, phức tạp người dùng không cần thì sản phẩm của startup phải giải quyết đúng nhu cầu của khách hàng.

Ba là, chưa thấu hiểu cách vận hành nguồn lực tài chính trong công ty. Chứng kiến sự thất bại của nhiều startup khiến anh Bùi Thành

Đô nhận thấy, nguyên nhân chính đến từ việc họ không hiểu cách vận hành công ty cũng sử dụng nguồn lực tài chính hợp lý để đưa công ty đi xa hơn. Nếu hiểu về tài chính, các founder sẽ giữ được nguồn vốn tốt hơn, biết dùng vốn vào việc gì và khi nào cần gọi vốn.

Việc thiếu kiến thức chắc chắn về tài chính cũng khiến nhiều founder không biết cách định giá startup dẫn đến tình trạng giá quá cao hoặc quá thấp. Cần hiểu rằng, nếu bạn muốn gọi 1 triệu USD cho 10% cổ phần thì hồ sơ tài chính phải đủ đẹp để nhà đầu tư tin rằng nó xứng đáng.

Cũng không nhất thiết phải gọi ngay lập tức 1 triệu USD mà nên phân khúc từng giai đoạn. Ví dụ giai đoạn đầu khi chưa có nhiều khách hàng, có thể chỉ nên gọi 200-300 nghìn USD để thăm dò cũng như không bị mất quá nhiều cổ phần khi công ty có nhiều tiềm năng tăng trưởng mạnh. Sau 6- 9 tháng, khi có nhiều khách hàng hơn, số liệu tốt hơn, sản phẩm hoàn thiện hơn thì startup hoàn toàn có thể đẩy định giá lên cao hơn so và gọi vốn cho giai đoạn tiếp theo. Sự chặt chẽ và tính toán từng đường đi nước bước của founder sẽ làm lợi cho startup theo cách mà họ không thể tưởng tượng ra.

Bốn là, chưa thực sự hiểu thế nào là nhà đầu tư phù hợp? Mỗi giai đoạn khác nhau, startup sẽ cần nhà đầu tư khác nhau. Thị trường Việt Nam đang có khoảng 100 nhà đầu

tư với từng khẩu vị riêng. Có quỹ thích đầu tư 2-4 thị trường cùng lúc như EdTech (công nghệ giáo dục), Fintech (công nghệ tài chính)... có quỹ chỉ thích đầu tư vào các chuỗi, có quỹ thích đầu tư vào mô hình có thể thoái vốn sau năm năm với lợi nhuận gấp 5, 6 lần nhưng có quỹ lại thích đầu tư mạo hiểm, có thể mang lại lợi nhuận 20-30 lần.

Thông thường, các quỹ đầu tư phân khúc khá rõ ràng, có quỹ chỉ đầu tư vào giai đoạn pre-seed (tiền ươm tạo), seed round (vòng ươm tạo), có quỹ chỉ đầu tư series A, có quỹ chỉ đầu tư từ series B trở đi...

Startup cần tránh việc không hiểu khẩu vị của quỹ đầu tư nên dành quá nhiều thời gian để gặp quỹ không phù hợp. Mục tiêu chính của startup là làm sản phẩm và phát triển thị trường, tìm kiếm cách giải quyết vấn đề của khách hàng tốt hơn. Khi mình làm tốt việc đó, quỹ sẽ tự đi tìm startup bởi các quỹ đầu tư có đủ kinh nghiệm để biết họ cần gặp ai, sản phẩm nào phù hợp.

Năm là, gọi vốn bằng mọi giá. Khi tiếp xúc với một quỹ đầu tư, anh Bùi Thành Đô luôn khuyên các startup cần phải tìm kiếm xem quỹ có gì ngoài tiền. Vì quỹ nào cũng có tiền. Các yếu tố có thể nhìn vào là danh mục đầu tư, kinh nghiệm của nhà đầu tư, mentor... Ví dụ startup làm sản phẩm cho mảng phát triển nền tảng quản lý trường học, nếu quỹ đầu tư đã đầu tư vào nhiều trường học khác nhau thì rõ ràng nên chọn họ. Nếu startup xây dựng

nền tảng logistics mà quỹ đã đầu tư cho nhiều công ty logistics và có know-how (bí quyết) cũng như các chuyên gia rất sâu trong ngành thì chắc chắn thứ startup nhận được sẽ không chỉ là tiền.

Dễ nhận thấy, ngoài câu chuyện phát triển kinh doanh, quỹ đầu tư có thể chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm cho người founder và có định hướng đúng đắn trong thị trường nhờ kinh nghiệm của người đi trước.

Sáu là, không nắm rõ luật. Nhiều người khởi nghiệp chưa từng gọi vốn thường không nắm rõ các vấn đề về luật cũng như quy định cụ thể trong các điều khoản của thỏa thuận định giá hay hợp đồng. Startup ở giai đoạn đầu chưa có nhiều kinh phí nên không thuê luật sư riêng. Startup thường trong tình trạng lơ mơ, hiểu chưa đúng chưa đủ. Có không ít trường hợp, startup kí hợp đồng với nhà đầu tư rồi nhưng sau vài tuần thì xin thôi không kí nữa. Thậm chí có không ít startup khi đọc deal term (thỏa thuận đầu tư) không hiểu hết các điều khoản vẫn kí bừa. Điều này có thể mang lại nhiều rắc rối cho startup giai đoạn sau.

Bởi vậy, startup và tìm đến các chương trình vườn ươm bài bản để được các chuyên gia tư vấn luật thật sự hiểu về khởi nghiệp để tránh việc “bút sa gà chết”.

Bích Ngọc

SHAREBUY - MÔ HÌNH MUA CHUNG THEO NHÓM KIỂU MỚI CỦA NGƯỜI VIỆT

2020 là năm mà lĩnh vực thương mại đã có sự phát triển bùng nổ hơn bao giờ hết. Đại dịch Covid-19 hoành hành trên khắp thế giới, gây thiệt hại cho các doanh nghiệp và buộc họ phải thay đổi phương thức kinh doanh sang các hình thức online. Đây cũng chính là cơ hội vàng cho các công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử. Sharebuy, ý tưởng về sàn thương mại điện tử theo kiểu mua chung của Nguyễn Hải Long ra đời đúng thời điểm vàng này.

Chàng trai gác việc học ở giảng đường đại học để theo đuổi giấc mơ khởi nghiệp

Người sáng lập của startup Sharebuy là Nguyễn Hải Long, một thanh niên trẻ nhưng đầy hoài bão và nhiệt huyết. Hải Long từng là sinh viên của trường đại học FPT khoa Lập trình máy tính - Thiết bị di động. Trong hai năm học tập, trường đại học mang tới cho Hải Long những kiến thức rất bổ ích, nhưng là một người năng động và luôn muốn chinh phục thử thách, Hải Long quyết định nghỉ học để trải nghiệm thực tiễn và theo đuổi giấc mơ khởi nghiệp. Sau khi nghỉ học, Long đầu quân cho một số công ty lớn và tập đoàn đa quốc gia như Vicostone, Phenikaa, Ba



Nguyễn Hải Long - Người sáng lập Sharebuy

Group... và đảm nhận nhiều vị trí khác nhau như trưởng phòng marketing, trưởng phòng thiết kế. Trải nghiệm, lăn lộn với thực tiễn để kiếm sống, nhưng máu khởi nghiệp vẫn không thôi sục sôi trong huyết quản chàng thanh niên trẻ. Ngày làm việc 8 tiếng ở công ty, đêm về Long miệt mài nghiên cứu và xây dựng mô hình startup của mình. Nhìn nhận lại quá trình tìm hướng khởi nghiệp, Long cho biết đó là quãng thời gian vất vả nhưng hạnh phúc vì được sống cuộc sống của chính mình và làm những điều mình thực sự tâm huyết.

Ý tưởng xây dựng sàn thương mại điện tử Sharebuy tới với Hải Long diễn ra trong thời điểm xu hướng chuyển đổi số là tất yếu tại Việt nam. Mọi hoạt động của đời sống đang dần được thu nhỏ

trong các thiết bị điện tử, nhất là trên điện thoại di động. Việc mua sắm, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, dần chuyển từ trực tiếp tại cửa hàng sang mua hàng online trên các sàn thương mại điện tử và trên các nền tảng mạng xã hội. Tuy nhiên, Hải Long nhận thấy, mặc dù việc mua sắm online rất nhanh và tiện lợi nhưng kèm theo là những hoài nghi cũng như độ rủi ro về chất lượng và nguồn gốc sản phẩm. Những nhận xét, đánh giá về sản phẩm từ những người xa lạ (trên các sàn thương mại điện tử) không làm thỏa mãn cũng như tạo dựng được niềm tin và quyết định mua hàng. Khách hàng thường lên các hội nhóm trên mạng xã hội ví dụ như Facebook group để trao đổi, tham khảo về chất lượng sản phẩm, sau đó mới quay lại các trang thương mại điện tử để đặt hàng. Chính vì thế, Hải Long nảy ra ý tưởng gộp hai nền tảng này lại thành một và mô hình nhóm mua Sharebuy ra đời.

Sharebuy - cộng đồng mua bán theo nhóm

Khác với các sàn thương mại điện tử, Sharebuy đem lại một cách tiếp cận mới, đó là cố gắng mô phỏng lại trải nghiệm mua sắm offline trên nền tảng online bằng cách xây dựng cộng đồng thông qua mô hình theo nhóm, tạo ra những trải nghiệm mua sắm cá nhân hóa và có giá trị thông qua tính năng đề xuất mua hàng và mời bạn bè vào nhóm mua chung cùng với mình.

Cốt lõi của trải nghiệm mua sắm trên nền tảng thương mại điện tử Sharebuy là mô hình mua hàng theo nhóm, nơi mà người mua sẽ lập nhóm hoặc tham gia vào các nhóm có sẵn để mua cùng một sản phẩm, đơn giá sẽ càng giảm nhiều khi số lượng người trong một nhóm mua càng tăng lên.

Hải Long cho biết, “*giá siêu rẻ*” sẽ là một trong những yếu tố thu hút khách hàng của Sharebuy. Sản phẩm sẽ có thể giảm giá tới 80%, từ các sản phẩm công nghệ cho đến sản phẩm thời trang. Giải thích cho mức giá giảm này, chàng founder trẻ tuổi cho biết, nguyên lý ở đây chính là khách hàng được mua lẻ với mức giá sỉ. Ví dụ, một chiếc tủ lạnh được bán trên các sàn thương mại điện tử như Tiki với giá 12 triệu, nhưng bạn sẽ chỉ phải trả hơn 6 triệu đồng nếu tham gia nhóm mua chung cùng với 10 người nữa trên sàn thương mại điện tử Share-buy.

Với mỗi sản phẩm, người mua sẽ được quyết định 2 mức giá: giá mua một mình và giá mua khi tham gia cùng nhóm mua chung. Trong mỗi nhóm mua chung sẽ có phiên mua, kết thúc phiên sẽ chốt ở mức giá áp cho số người tham gia mua chung ở thời điểm kết thúc phiên. Người mua có thể khởi tạo một nhóm mua hoặc tham gia vào nhóm đang kêu gọi mua chung một sản phẩm. Mỗi nhóm mua sẽ được thành lập trong khoảng thời gian tối thiểu là 24 giờ và tối đa 7 ngày để

chốt phiên giao dịch. Khi kết thúc phiên, hàng hóa sẽ được xác nhận trong 24 giờ và sau đó sẽ được giao tới khách hàng.

Theo Hải Long, mô hình nhóm mua của Sharebuy có lợi cho cả người mua và người bán. Người mua sẽ mua được hàng hóa với giá rẻ hơn nhiều so với thị trường, còn người bán sẽ bán được nhiều hàng hơn, góp phần làm giải tỏa hàng tồn kho, nhanh xoay vòng vốn để đầu tư vào các sản phẩm mới. Mô hình nhóm mua cũng giải quyết được vấn đề về lòng tin của khách hàng khi mà người tiêu dùng thường phụ thuộc vào giới thiệu xã hội để đưa ra quyết định mua sắm.

Trên thế giới, mô hình mua chung theo nhóm cũng phổ biến ở nhiều nước, ví dụ như Groupon tại Mỹ, với ưu thế là giảm giá thành sản phẩm. *Nhưng khác với Groupon, Sharebuy có những điểm khác biệt như:*

- *Đề xuất bởi người bán/Khởi tạo bởi người mua:* Các deal của Sharebuy do người bán đề xuất nhưng lại được người mua khởi tạo (người mua phải thành lập hoặc tham gia một nhóm có quy mô để có được deal hời), trong khi các deal của Groupon lại chỉ được tạo và quản lý hoàn toàn bởi người bán.

- *Hàng hóa thông dụng/Sử dụng hàng ngày:* Các deal của Sharebuy áp dụng cho các loại hàng hóa thông dụng hàng ngày (ví dụ vật dụng trong nhà, hàng may

mặc) có giá trị đối với khách hàng, trong khi Groupon là các hàng hóa, dịch vụ độc mà không được mua, bán ở nơi khác.

- *Áp dụng được trên khắp các vùng miền:* Sản phẩm trên Sharebuy có ở khắp các vùng miền của Việt Nam. Điều này trái ngược với Groupon, vì người bán sử dụng Groupon để kéo khách hàng tới sử dụng, mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các địa điểm, cửa hàng tại địa phương của Groupon.

Mua hàng theo nhóm làm thúc đẩy việc chia sẻ, tự nguyện giới thiệu hàng hóa, vì vậy nhóm Sharebuy tự tin sản thương mại của Sharebuy sẽ tăng trưởng rất nhanh chóng. Một ví dụ điển hình là tại Trung Quốc, với mô hình tương tự, Pindoudou đã vượt qua hàng loạt gã khổng lồ như Alibaba hay Tencent để trở thành nền tảng thương mại điện tử lớn nhất chỉ sau 3 năm hoạt động.

Hiện tại, Sharebuy đang ở giai đoạn cuối của quá trình xây dựng nền tảng với đội ngũ vốn vẹn 8 thành viên nhưng đều chuyên về lập trình, đảm nhiệm mảng công việc khác nhau của dự án. Các thành viên đang nỗ lực gấp rút việc hoàn thiện công nghệ để có thể ra mắt sản phẩm vào giữa cuối năm 2021 và kêu gọi vốn đầu tư và kết nối với các quỹ đầu tư trong và ngoài nước ở các giai đoạn tiếp theo.

Phương Anh (NASATI)

THÔNG TƯ SỐ 05/2021/TT-BKHCN: QUY ĐỊNH YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI DỮ LIỆU THÔNG TIN ĐẦU VÀO CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Bộ Khoa học và Công nghệ vừa ban hành Thông tư số 05/2021/TT-BKHCN Quy định yêu cầu kỹ thuật đối với dữ liệu thông tin đầu vào của Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về khoa học và công nghệ (KH&CN). Thông tư này quy định yêu cầu kỹ thuật đối với thông tin đầu vào của một số dữ liệu thành phần của CSDL quốc gia về KH&CN bao gồm: Thông tin về Tổ chức KH&CN có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Thông tin về Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Thông tin về Nhiệm vụ KH&CN. Thông tư này không áp dụng đối với thông tin KH&CN thuộc danh mục bí mật nhà nước

Đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm: Cơ quan quản lý CSDL quốc gia về KH&CN thuộc Bộ KH&CN; Các cơ quan, đơn vị chuyên môn về KH&CN, tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành

phố trực thuộc Trung ương; Tổ chức KH&CN và các tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, cập nhật và phát triển CSDL quốc gia về KH&CN. Thông tư này không áp dụng với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Thông tư này quy định việc thiết kế cấu trúc dữ liệu thông tin đầu vào phải tuân thủ theo các nguyên tắc: 1. Bảo đảm thống nhất về cấu trúc dữ liệu thông tin đầu vào giữa các dữ liệu thành phần của CSDL quốc gia về KH&CN. 2. Phù hợp với các mã định danh điện tử của cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương quy định tại Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước quy định tại Thông tư số 39/2017//TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. 3. Bảo đảm kết nối, chia sẻ, trao đổi dữ liệu thông suốt giữa

CSDL quốc gia về KH&CN và các CSDL về KH&CN khác của bộ, ngành, địa phương. 4. Bảo đảm kết nối liên thông, chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin một cửa điện tử. Cổng Dịch vụ công của bộ, ngành, địa phương, Cổng Dịch vụ công quốc gia và các CSDL khác phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Việc kết nối CSDL phải tuân thủ các quy định của pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Bảo đảm quyền khai thác dữ liệu hợp pháp theo quy định của pháp luật, không làm hạn chế quyền khai thác, sử dụng CSDL quốc gia về KH&CN của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân do yếu tố kỹ thuật. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, các quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với CSDL quốc gia về KH&CN và các hệ thống thông tin kể nối CSDL quốc gia về KH&CN. Phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh.

Việc bảo đảm an toàn, thông tin, dữ liệu tuân theo quy định tại Luật An toàn thông tin mạng

và các quy định hiện hành về an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm tính toàn vẹn, tin cậy, sẵn sàng khi lưu trữ, khai thác, trao đổi thông tin, dữ liệu. Áp dụng kỹ thuật mã hóa, thiết lập mã, ứng dụng chữ ký số và có cơ chế lưu trữ dự phòng, cơ chế phòng chống, kiểm soát mã độc tấn công dữ liệu khi được lưu trữ, trao đổi thông tin, dữ liệu quan trọng. Bảo đảm bảo mật thông tin dữ liệu trong hoạt động chuyển đổi số và lưu trữ các thành phần dữ liệu trong CSDL quốc gia về KH&CN. Bảo đảm bảo mật thông tin tài khoản, người dùng được cấp tài khoản truy cập với định danh duy nhất gắn với người dùng khi sử dụng hệ thống CSDL. Người dùng chỉ được truy cập các thông tin phù hợp với quyền hạn của mình và có trách nhiệm bảo mật tài khoản truy cập được cấp.

Ngoài ra, Thông tư còn quy định về Sử dụng bảng phân loại, Yêu cầu kỹ thuật dữ liệu thông tin đầu vào, Cấu trúc dữ liệu thông tin đầu vào cũng như cấu trúc mã định danh điện tử của tổ chức KH&CN và tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2021

QUYẾT ĐỊNH SỐ 1678/QĐ-BKHCN: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN BỔ SUNG CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ LIÊN QUAN ĐẾN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Bộ Khoa học và Công nghệ vừa ban hành Quyết định số 1678/QĐ-BKHCN Ban hành Kế hoạch triển khai “Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030” (Kế hoạch). Một trong các nhiệm vụ quan trọng được đặt ra là xây dựng và hoàn thiện bổ sung các văn bản pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến trí tuệ nhân tạo (TTNT).

Cùng với đó, mở rộng các dự án xây dựng dữ liệu cộng đồng theo hình thức của đề án Hệ tri thức Việt số hóa; kết nối các cộng đồng TTNT, cộng đồng khoa học mở ở Việt Nam; hỗ trợ các nhiệm vụ nghiên cứu làm chủ, xây dựng các nền tảng nội địa cho tính toán hiệu năng cao, tính toán đám mây, tính toán sương mù; thường xuyên tổ chức kết nối các cộng đồng học thuật, nghiên cứu; cộng đồng nghề nghiệp phát triển và ứng dụng TTNT và khoa học dữ liệu trong và ngoài nước.

Triển khai mạnh mẽ hình thức hợp tác công – tư, đồng tài trợ cho các trung tâm đào tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển và trung tâm ứng dụng TTNT, đầu tư hình

thành một số nhóm nghiên cứu trọng điểm về TTNT và khoa học dữ liệu trong các trường đại học, viện nghiên cứu công lập; thúc đẩy xây dựng một số trung tâm đổi mới sáng tạo về TTNT, hình thành một số thương hiệu của Việt Nam về TTNT trên thế giới.

Tổ chức triển khai nghiên cứu cơ bản về TTNT, giải mã công nghệ, làm chủ công nghệ, bắt kịp các tiến bộ trong lĩnh vực TTNT và bước đầu đóng góp trong phát triển phương pháp TTNT mới trong một số tổ chức nghiên cứu về toán học và công nghệ thông tin; tập trung đầu tư nghiên cứu, phát triển một số sản phẩm dựa trên nguồn dữ liệu và tri thức đặc thù của Việt Nam; triển khai chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về TTNT gắn với đào tạo nghiên cứu sinh; triển khai nghiên cứu, phát triển một số nền tảng cung cấp dịch vụ, sản phẩm TTNT quan trọng như xử lý ngôn ngữ tự nhiên, thị giác máy tính, quy trình tự động, các công nghệ TTNT dựa trên dữ liệu, người máy và các phương tiện tự hành, một số lĩnh vực đã sẵn sàng về dữ liệu, công nghệ và có nhu cầu ứng dụng trong nước, hướng đến thị trường trong khu vực và toàn cầu.

Thúc đẩy hình thành các nhóm chuyên môn mở trong các lĩnh vực, cho phép rút ngắn thời gian hoàn thành các kết quả nghiên cứu; thúc đẩy sử dụng dùng chung, chia sẻ, mở dữ liệu, công nghệ và ứng dụng TTNT theo hướng đa ngành, liên ngành và xuyên ngành để đẩy nhanh tốc độ hình thành các kết quả và nâng cao hiệu quả đầu ra của các hoạt động nghiên cứu phát triển trong các lĩnh vực khác; tập huấn rộng rãi các nền tảng mở về dữ liệu và ứng dụng TTNT; thúc đẩy các cộng đồng, diễn đàn nguồn mở về TTNT; khuyến khích doanh nghiệp đặt hàng viện nghiên cứu, trường đại học triển khai nghiên cứu, phát triển sản phẩm TTNT đặc thù của Việt Nam.

Tổ chức các chuỗi sự kiện về TTNT; hỗ trợ các cá nhân, tổ chức trong nước tham gia các hội thảo,

triển lãm, kỳ thi quốc tế về TTNT; tham gia tổ chức và thực hiện các chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu khoa học song phương và đa phương về TTNT; thúc đẩy phát triển cơ sở, trung tâm hợp tác nghiên cứu TTNT; các dự án hợp tác chuyển giao công nghệ, khai thác sáng chế, quyền sở hữu công nghiệp giữa các doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp nước ngoài về TTNT; các trung tâm, chương trình đào tạo nhân lực TTNT chất lượng cao phục vụ thị trường trong nước và toàn cầu; trao đổi chuyên gia, người làm công tác nghiên cứu, sinh viên của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp TTNT nước ngoài. Tham gia các hội, liên hiệp hội quốc tế và tổ chức khác về TTNT./.

THÔNG TƯ SỐ 03/2021/TT-BKHCN: QUY ĐỊNH QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ ĐẾN NĂM 2030

Bộ Khoa học và Công nghệ vừa ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 (Chương trình).

Theo Thông tư này, nguyên tắc quản lý Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Việc quản lý Chương trình phải đảm bảo công khai, minh bạch. Các nhiệm vụ thuộc Chương trình được triển khai theo đúng mục tiêu, nội dung và không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể quyền khác. Sử dụng kinh phí của Chương trình đúng mục tiêu, có hiệu quả, không lãng phí, tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Nhiệm vụ thuộc Chương trình bao gồm các nhiệm vụ thường xuyên và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Yêu cầu đối với các nhiệm vụ KH&CN thuộc chương trình phải có tính cấp thiết, phù hợp

với mục tiêu, nội dung Chương trình và định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, KH&CN của ngành, lĩnh vực, địa phương; kết quả, sản phẩm được áp dụng thực tiễn hoặc giải quyết các vấn đề về lý luận, khoa học trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, có tính bền vững và có khả năng duy trì, nhân rộng sau khi nhiệm vụ kết thúc; không trùng lặp với nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia và các chương trình đã và đang thực hiện; thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình tối đa là 36 tháng, trường hợp đặc biệt do Thủ trưởng cơ quan phê duyệt nhiệm vụ ra quyết định.

Thông tin về nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình (bao gồm: Tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến, tổ chức chủ trì, thời gian thực hiện; tóm tắt kết quả thực hiện) được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhiệm vụ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Việc truyền thông về kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và Luật Báo chí. Tổ

chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện theo các quy định của pháp luật về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN.

Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện và thống nhất quản lý Chương trình, trực tiếp quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc Chương trình; Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Chương trình, tổ chức quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ thuộc Chương trình; UBND các tỉnh, thành phố phối hợp với Bộ KH&CN tổ chức thực hiện Chương trình, quản lý các nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thuộc Chương trình, phối hợp quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ thuộc Chương trình thực hiện trên địa bàn

Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ

Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương hoặc tổ chức, cá nhân đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN thuộc chương trình. Đề xuất đặt hàng được gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Cục Sở hữu Trí tuệ.

Trong 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tiếp nhận đề xuất đặt hàng nhiệm vụ theo quy định, Cục

Sở hữu trí tuệ tổng hợp, rà soát các đề xuất đặt hàng và trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt, Cục Sở hữu trí tuệ công bố danh mục nhiệm vụ KH&CN đặt hàng cấp quốc gia trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ và Cục Sở hữu trí tuệ

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 26/7/2021 và thay thế Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN. Đối với các dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 đã được ký hợp đồng giao thực hiện, việc tổ chức quản lý, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng được tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN cho đến khi kết thúc dự án.

Các bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh căn cứ vào các quy định tại Thông tư này để áp dụng hoặc ban hành văn bản hướng dẫn triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh thuộc Chương trình phù hợp với Thông tư này và các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ KH&CN./.

Nguyễn Thị Hòa